



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

II. NIPPAPAÑCAVAGGO

1. NIPPAPAÑCAPAÑHO

1. “**Bhante nāgasena, bhāsitampeṭaṃ bhagavatā: ‘Nippapañcārāmā bhikkhave viharatha nippapañcaratino ’ti. Katamantaṃ nippapañcan ’ti?**

“Sotāpattiphalaṃ mahārāja nippapañcaṃ, sakadāgāmiphalaṃ nippapañcaṃ, anāgāmiphalaṃ nippapañcaṃ, arahattaphalaṃ nippapañcan ”ti.

“Yadi bhante nāgasena sotāpattiphalaṃ nippapañcaṃ, sakadāgāmiphalaṃ, anāgāmiphalaṃ, arahattaphalaṃ¹ nippapañcaṃ, kissa pana ime bhikkhū uddisanti paripucchanti suttaṃ geyyaṃ veyyākaraṇaṃ gāthaṃ udānaṃ itivuttakaṃ jātaṃ abbhutadhammaṃ vedallaṃ, navakammena paḷibujjhanti dānena ca pūjāya ca? Nanu te jinapaṭikkhittaṃ kammaṃ karonti ”ti?

2. “Ye te mahārāja bhikkhū uddisanti paripucchanti suttaṃ geyyaṃ veyyākaraṇaṃ gāthaṃ udānaṃ itivuttakaṃ jātaṃ abbhutadhammaṃ vedallaṃ, navakammena paḷibujjhanti dānena ca pūjāya ca, sabbe te nippapañcassa pattiyaṃ karonti.

¹ sakadāgāmi-anāgāmi-arahattaphalaṃ - Ma, PTS.

II. PHẨM KHÔNG CHƯỚNG NGẠI:

1. CÂU HỎI VỀ PHÁP KHÔNG CHƯỚNG NGẠI:

1. “Thưa ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ‘Này các tỳ khuru, các người hãy sống có sự vui thích pháp không chướng ngại, có sự thích thú ở pháp không chướng ngại.’ Pháp không chướng ngại ấy là pháp nào?”

“Tâu đại vương, quả vị Nhập Lưu là pháp không chướng ngại, quả vị Nhất Lai là pháp không chướng ngại, quả vị Bất Lai là pháp không chướng ngại, quả vị A-la-hán là pháp không chướng ngại.”

“Thưa ngài Nāgasena, nếu quả vị Nhập Lưu là pháp không chướng ngại, quả vị Nhất Lai, quả vị Bất Lai, quả vị A-la-hán là pháp không chướng ngại, vậy thì tại sao các vị tỳ khuru này lại đọc tụng, lại học hỏi về (chín thể loại:) *suttam*, *geyyam*, *veyyākaraṇam*, *gāthā*, *udānam*, *itivuttakam*, *jātakam*, *abbhutadhammam*, *vedallam*,¹ lại bị chướng ngại vì công trình mới, vì việc bố thí, và vì việc cúng dường? Không lẽ các vị lại tiến hành công việc đã bị đấng Chiến Thắng từ khước?”

2. “Tâu đại vương, những vị tỳ khuru nào đọc tụng, học hỏi về (chín thể loại:) *suttam*, *geyyam*, *veyyākaraṇam*, *gāthā*, *udānam*, *itivuttakam*, *jātakam*, *abbhutadhammam*, *vedallam*, bị chướng ngại vì công trình mới, vì việc bố thí, và vì việc cúng dường, tất cả những vị ấy làm nhằm đạt được pháp không chướng ngại.

¹ - Ở tài liệu *Saddhammasaṅgaha - Diệu Pháp Yếu Lược* có lời giải thích chi tiết về chín thể loại này như sau: “Thế nào là có chín phần khi nói về Thế (aṅga)? Bởi vì toàn bộ gồm có chín hình thức khác biệt, đó là *sutta*, *geyya*, *veyyākaraṇa*, *gāthā*, *udāna*, *itivuttaka*, *jātaka*, *abbhūtadhamma*, *vedalla*. Trong trường hợp này, *Ubhatovibhaṅga*, *Niddesa*, *Khandhaka*, *Parivāra*, các bài kinh *Maṅgalasutta*, *Ratanasutta*, *Nalakasutta*, *Tuṇḍakasutta* trong *Suttanipāta - Kinh Tập*, và các lời dạy của đấng Như Lai có tựa đề là Kinh (*suttam*) thì được xếp vào thể *SUTTA*. Các bài Kinh có xen các bài kệ vào được biết là thể *GEYYA*; đặc biệt toàn bộ *Thiên Có Kệ (Sagāthāvagga)* trong *Kinh Tương Ứng Bộ* là thể *GEYYA*. Toàn bộ Tạng Vi Diệu Pháp, các bài kinh không có xen các bài kệ, và các lời dạy khác của đức Phật không thuộc tám loại trên được xếp vào thể *VEYYĀKARAṆA*. *Kinh Pháp Cú*, *Trường Lão Tăng Kệ*, *Trường Lão Ni Kệ*, các bài có tên là kinh nhưng chỉ là kệ trong *Suttanipāta - Kinh Tập* thì được xếp vào thể *GĀTHĀ*. Tám mươi hai bài kinh liên quan đến các bài kệ do tuệ giác hoan hỷ được xếp vào thể *UDĀNA*. Một trăm mười hai bài kinh được giới thiệu bằng: “*Vuttam h’ etam Bhagavatā ti*” (Đức Thế Tôn thuyết về điều ấy như vậy) thì được xếp vào thể *ITIVUTTAKA*. Năm trăm năm mươi bài kinh Bốn Sanh bắt đầu bằng Bốn Sanh *Apannaka* được xếp vào thể *JĀTAKA*. Tất cả các bài kinh liên quan đến pháp kỳ diệu phi thường và được giới thiệu như sau: “Này các tỳ khuru, có bốn pháp kỳ diệu phi thường ở Ananda,” được xếp vào thể *ABBHŪTADHAMMA*. Tất cả các bài kinh được hỏi và được liên tục ghi nhận trong sự hiểu biết và hoan hỷ như các bài kinh *Cullavedalla*, *Mahāvedalla*, *Sammāditṭhi*, *Sakkapañhā*, *Saṅkhāra-bhājanīya*, *Mahāpuṇṇama*, v.v... được xếp vào thể *VEDALLA*. Như thế khi đề cập đến Thế thì có chín phần” (*Saddhammasaṅgaha - Diệu Pháp Yếu Lược*, Chương I, câu 28).

Ye te mahārāja sabhāvaparissuddhā pubbe vāsītavāsānā te ekacittakkhaṇena nippapañcā honti. Ye pana te bhikkhū mahārajakkhā te imehi payogehi nippapañcā honti.

Yathā mahārāja eko puriso khetto bījaṃ ropetvā attano yathābalaviriyena vinā pākāravatīyā dhaññaṃ uddhareyya, eko puriso khetto bījaṃ ropetvā vanaṃ pavisitvā kaṭṭhañca sākhañca chinditvā vatipākāraṃ katvā dhaññaṃ uddhareyya, yā tattha tassa vatipākārapariyesanā, sā dhaññatthāya. Evameva kho mahārāja ye te sabhāvaparissuddhā pubbe vāsītavāsānā te ekacittakkhaṇena nippapañcā honti, vinā vatipākāraṃ puriso viya dhaññuddhāro. Ye pana te bhikkhū mahārajakkhā te imehi payogehi nippapañcā honti, vatipākāraṃ katvā puriso viya dhaññuddhāro.

Yathā vā pana mahārāja mahatimahante ambarukkhamatthake phala-piṇḍi bhaveyya, atha tattha yo koci iddhiṃ āgantvā tassa phalaṃ hareyya, yo pana tattha aniddhiṃ so kaṭṭhañca valliñca chinditvā nisseṇiṃ bandhitvā tāya taṃ rukkaṃ abhirūhitvā phalaṃ hareyya, yā tattha tassa nisseṇipariyesanā sā phalatthāya. Evameva kho mahārāja ye te sabhāvaparissuddhā pubbe vāsītavāsānā te ekacittakkhaṇena nippapañcā honti, iddhiṃ viya rukkhaphalaṃ haranto. Ye pana te bhikkhū mahārajakkhā te iminā payogena saccāni abhisamenti, nisseṇiyā viya puriso rukkhaphalaṃ haranto.

3. Yathā vā pana mahārāja eko puriso atthakaraṇiko ekako yeva sāmikaṃ upagantvā atthaṃ sādheti, eko dhanavā dhanavasena pariyaṃ vadḍhetvā parisāya atthaṃ sādheti, yā tattha tassa parisapariyesanā sā atthatthāya. Evameva kho mahārāja ye te sabhāvaparissuddhā pubbe vāsītavāsānā, te ekacittakkhaṇena chasu abhiññāyu vasībhāvaṃ pāpuṇanti puriso viya ekako atthasiddhiṃ karonto. Ye pana te bhikkhū mahārajakkhā te imehi payogehi sāmāññatthamabhisādhenti, parisāya viya puriso atthasiddhiṃ karonto.

Tâu đại vương, những vị nào được trong sạch tự bản chất, có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chập tâm thì có được pháp không chướng ngại. Trái lại, những vị tỳ khuu nào với tâm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy có được pháp không chướng ngại với các sự gắng sức này.

Tâu đại vương, giống như một người nam sau khi gieo hạt giống ở thửa ruộng, rồi trồng trọt cây lúa bằng sức mạnh và nỗ lực của bản thân, không cần tường thành và hàng rào. Một người nam (khác) sau khi gieo hạt giống ở thửa ruộng, thì đi vào rừng chặt cành cây và nhánh cây làm hàng rào và tường, rồi trồng trọt cây lúa; trong trường hợp ấy việc tầm cầu hàng rào và tường thành của người ấy là vì mong muốn đạt được cây lúa. Tâu đại vương, tương tự y như thế những vị nào được trong sạch tự bản chất, có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chập tâm thì có được pháp không chướng ngại, tựa như người nam có sự trồng trọt cây lúa không cần hàng rào và tường thành. Trái lại, những vị tỳ khuu nào với tâm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy có được pháp không chướng ngại với các sự gắng sức này, ví như người nam có sự trồng trọt cây lúa sau khi đã làm hàng rào và tường thành.

Tâu đại vương, hoặc là giống như có chùm trái ở ngọn cây xoài cao to vĩ đại, rồi một người nào đó, có thần thông, sau khi đi đến nơi ấy có thể hái trái của cây ấy. Trái lại, tại nơi ấy người nào không có thần thông, người ấy chặt cành cây và dây leo rồi buộc thành cái thang, nhờ nó leo lên cây ấy, rồi hái trái; trong trường hợp ấy, việc tầm cầu cái thang của người ấy là vì mong muốn đạt được trái cây. Tâu đại vương, tương tự y như thế những vị nào được trong sạch tự bản chất, có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chập tâm thì có được pháp không chướng ngại, tựa như người có thần thông hái được trái cây. Trái lại, những vị tỳ khuu nào với tâm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy chứng ngộ các Chân Lý với các sự gắng sức này, tựa như người nam hái được trái cây nhờ vào cái thang.

3. Tâu đại vương, hoặc là giống như một người nam là người làm theo chỉ tiêu, chỉ một mình đi đến gặp người chủ rồi hoàn thành chỉ tiêu. Một người (khác) có tài sản, phát triển đồ chúng nhờ vào năng lực của tài sản, rồi hoàn thành chỉ tiêu cùng với đồ chúng; trong trường hợp ấy việc tầm cầu đồ chúng của người ấy là vì mong muốn đạt được chỉ tiêu. Tâu đại vương, tương tự y như thế những vị nào được trong sạch tự bản chất, có sự huân tập đã được trải qua ở thời quá khứ, những vị ấy trong một chập tâm thì đạt được bản thể năng lực ở sáu Thắng Trí ví như người nam một mình thực hiện việc thành tựu chỉ tiêu. Trái lại, những vị tỳ khuu nào với tâm nhìn có nhiều bụi, những vị ấy hoàn thành mục tiêu của bản thể Sa-môn với các sự gắng sức này, tựa như người nam thực hiện việc thành tựu chỉ tiêu cùng với đồ chúng.

4. Uddeso 'pi mahārāja bahukāro, paripucchā 'pi bahukārā, navakammampi bahukāraṃ, dānampi bahukāraṃ, pūjā 'pi bahukārā tesu tesu karaṇīyesu.

Yathā mahārāja puriso rājūpasevī katāvī amacca-bhaṭṭa-balatthadovārika-anīkaṭṭha-pārisajjajanehi, te tassa karaṇīye anuppatte sabbe 'pi upakārā honti. Evameva kho mahārāja uddeso 'pi bahukāro, paripucchā 'pi bahukārā, navakammampi bahukāraṃ, dānampi bahukāraṃ, pūjāpi bahukārā tesu tesu karaṇīyesu.

Yadi mahārāja sabbe 'pi abhijātiparisuddhā bhavyeṃ, anusāsanena¹ karaṇīyaṃ na bhavyeṃ. Yasmā ca kho mahārāja savaṇena karaṇīyaṃ hoti, therō mahārāja sārīputto aparimitamasāṅkheyyakappaṃ upādāya upacitakusalamūlo paññāya koṭiṃ gato, so 'pi vinā savaṇena nāsakkhi āsavakkhayaṃ pāpuṇiṃ. Tasmā mahārāja bahukāraṃ savaṇaṃ, tathā uddeso 'pi paripucchā 'pi. Tasmā uddesaparipucchā 'pi nippapañcā saṅkhatā "ti."²

“Sunijjhāpito bhante nāgasena pañho. Evametam tathā sampañcchāmī”ti.

Nippapañcapanho paṭhamo.

¹ anusāsakena - Sīmu.

² saṅkhatā ti - Ma.

4. Tàu đại vương, việc đọc tụng cũng có nhiều lợi ích, việc học hỏi cũng có nhiều lợi ích, việc xây dựng công trình mới cũng có nhiều lợi ích, việc bố thí cũng có nhiều lợi ích, việc cúng dường cũng có nhiều lợi ích cho những người này, những người nọ có công việc cần phải làm.

Tàu đại vương, giống như người nam hầu cận đức vua, có công việc đã được hoàn thành nhờ vào các quan đại thần, nhân công, binh lính, người giữ cổng, lính gác, quần thần, dân chúng, đối với người ấy khi công việc cần làm chưa đạt được thì tất cả những người ấy đều là những sự trợ giúp. Tàu đại vương, tương tự y như thế việc đọc tụng cũng có nhiều lợi ích, việc học hỏi cũng có nhiều lợi ích, việc xây dựng công trình mới cũng có nhiều lợi ích, việc bố thí cũng có nhiều lợi ích, việc cúng dường cũng có nhiều lợi ích cho những người này, những người nọ có công việc cần phải làm.

Tàu đại vương, nếu tất cả đều được thanh tịnh ở dòng dõi, có thể không có việc cần phải làm với việc chỉ dạy. Tàu đại vương, và bởi vì có việc cần phải làm với việc lắng nghe. Tàu đại vương, trưởng lão Sāriputta, có thiện căn đã được tích lũy liên quan đến vô lượng kiếp, không thể đếm được, đã đạt đến tột đỉnh của trí tuệ, ngay cả vị ấy không có sự lắng nghe cũng không thể đạt được sự diệt tận các lậu hoặc. Tàu đại vương, vì thế việc lắng nghe cũng có nhiều lợi ích, việc đọc tụng, việc học hỏi cũng như thế. Vì thế, việc đọc tụng và học hỏi là pháp không chướng ngại, là pháp không tạo tác.”

“Thưa ngài Nāgasena, câu hỏi đã được giải quyết khéo léo. Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.”

Câu hỏi về pháp không chướng ngại là thứ nhất.
